

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC TẬP CUỐI KHÓA VÀ VIẾT KHÓA LUẬN
TỐT NGHIỆP, CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM 2023 ĐỐI VỚI
SINH VIÊN CÁC KHÓA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG**

Căn cứ Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-ĐHTCM ngày 14/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức đào tạo Đại học hình thức chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo Đại học hình thức chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 29/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định thực hiện và đánh giá Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập cuối khóa trình độ Đại học hình thức chính quy đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tài Chính – Marketing;

Căn cứ Kế hoạch số 1677/KH-ĐHTCM-QLĐT ngày 04/8/2023 của Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức Khóa luận tốt nghiệp, Chuyên đề tốt nghiệp, Thực tập cuối khóa, xét công nhận tốt nghiệp đợt 3 năm 2023 đối với sinh viên các khóa trình độ đại học chính quy.

Khoa Du lịch xây dựng và triển khai kế hoạch thực tập cuối khóa (TTCK) và viết khóa luận tốt nghiệp (KLTN)/chuyên đề tốt nghiệp (CĐTĐN) (gọi chung là thực tập và viết báo cáo) đợt 3 năm 2023 đối với sinh viên (SV) các khóa bậc đại học chính quy của chuyên ngành Quản trị nhà hàng như sau:

1. MỤC TIÊU

Thực tập và viết báo cáo là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo bậc đại học chuyên ngành Quản trị nhà hàng. Mục tiêu của chương trình thực tập và viết báo cáo nhằm giúp cho SV:

- Củng cố, ôn luyện và mở rộng những kiến thức chuyên ngành Quản trị nhà hàng.

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã được trang bị vào công tác thực tiễn tại doanh nghiệp thông qua việc tìm hiểu và giải quyết các vấn đề về nghiệp vụ và quản trị liên quan đến chuyên ngành Quản trị nhà hàng.

- Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, tiếp cận với hoạt động Quản trị nhà hàng trong thực tế để có thể thực hiện được công việc tại doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp.

2. YÊU CẦU

- Trong thời gian thực tập và viết báo cáo, SV phải thực hiện đúng các quy định của Nhà Trường, khoa đào tạo, hướng dẫn của giảng viên; nội quy, quy chế làm việc của đơn vị thực tập.

- SV chủ động liên hệ đơn vị thực tập. SV được cấp giấy giới thiệu của Trường để liên hệ đơn vị thực tập và nộp bản sao minh chứng tiếp nhận SV của đơn vị thực tập cho giảng viên hướng dẫn (GVHD) nếu cần trong 2 tuần thực tập đầu tiên.

- SV phải tích cực và chủ động tham gia các hoạt động nghề nghiệp, tìm hiểu tình hình thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức... (gọi chung là đơn vị thực tập) thuộc lĩnh vực ngành/chuyên ngành đào tạo để lựa chọn đề tài và thực hiện các nội dung KLTN/CĐTN.

- SV thực tập tốt nghiệp phải áp dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để thu thập dữ liệu có liên quan đến đề tài và viết báo cáo.

- SV biết tổng hợp, khái quát những vấn đề nghiên cứu và trình bày một cách có hệ thống.

- SV phải có nhận xét, đánh giá và đề xuất những biện pháp của mình.

- Đề tài KLTN/CĐTN là đề tài cá nhân thuộc phạm vi kiến thức các học phần chuyên ngành mà các SV đã học. Nội dung không được trùng lặp với đề tài thực hành nghề nghiệp của mình, giữa các SV trong nhóm hay SV nhóm khác.

3. NỘI DUNG THỰC TẬP

SV sẽ thực hiện các nội dung sau:

3.1. Tìm hiểu các hoạt động kinh doanh tại đơn vị thực tập:

- Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của đơn vị.

- Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức.

- Thực trạng về tình hình kinh doanh trong những năm qua.

3.2. Tìm hiểu hoạt động Quản trị nhà hàng tại đơn vị thực tập:

- Tìm hiểu về đặc điểm và mô hình tổ chức bộ phận ẩm thực trong các khách sạn, nhà hàng.

- Đặc điểm về thị trường và khách hàng của đơn vị.

- Phân tích, đánh giá hoạt động nghiệp vụ và quản trị tại bộ phận ẩm thực trong các khách sạn, nhà hàng, các cơ sở vui chơi giải trí có tích hợp dịch vụ ăn uống...

- Đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề còn tồn tại.

- Nêu ra những nhận xét hoặc kiến nghị của cá nhân đối với đơn vị thực tập.

3.3. Viết báo cáo KLTN/CĐTN:

Sau thời gian tìm hiểu thực tế tại đơn vị, SV sẽ viết báo cáo theo đề tài đã chọn. Nội dung và hình thức báo cáo phải thực hiện theo yêu cầu của Khoa Du lịch.

Điều kiện để đăng ký làm KLTN/CĐTN: SV phải đạt tất cả các học phần thuộc phần kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành theo chương trình đào tạo. SV không đủ điều kiện sẽ thực hiện theo kế hoạch làm TTCK và học học phần thay thế KLTN/CĐTN.

4. CÁC DẠNG ĐỀ TÀI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Các dạng đề tài

SV có thể lựa chọn một trong những nhóm đề tài mang tính tham khảo sau đây để viết báo cáo:

A. Lĩnh vực dịch vụ buffet tại bộ phận ẩm thực trong khách sạn hoặc tại nhà hàng buffet độc lập bên ngoài khách sạn

Thực hành các công việc liên quan đến quy trình quản trị và vận hành tiệc buffet bao gồm:

- Xếp khăn ăn và bày bàn khách ngồi trong tiệc buffet.
- Bày bàn món ăn tiệc buffet, phân tích từng khu vực như khu bày đĩa, dao muỗng nĩa, món khai vị, món chính, món tráng miệng, khu thức uống, khu nấu nướng...
- Đón khách.
- Phân chia khu vực phục vụ cho nhân viên.
- Phục vụ trong thời gian khách ăn uống tại nhà hàng buffet.
- Thanh toán (Đối với khách ngoài nếu có) và tiễn khách.
- Xử lý một số tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ tiệc buffet.

B. Lĩnh vực dịch vụ nhà hàng theo kiểu gọi món (Nhà hàng Âu hay phục vụ theo kiểu à la carte) tại bộ phận ẩm thực trong khách sạn hoặc tại nhà hàng à la carte độc lập bên ngoài khách sạn

Thực hành các công việc liên quan đến quy trình quản trị và vận hành tại nhà hàng à la carte bao gồm:

- Kỹ thuật bày bàn à la carte.
- Bày theo kiểu western set menu từ khách đặt trọn bữa ăn từ thực đơn à la carte.
- Kỹ năng thuyết phục bán hàng.
- Kỹ năng đón khách và phục vụ.
- Tiễn khách.
- Giải quyết tình huống thường gặp trong nhà hàng à la carte...

C. Lĩnh vực dịch vụ tổ chức sự kiện và hội nghị (Banquet) tại bộ phận ẩm thực trong khách sạn hoặc tại nhà hàng hay trung tâm hội nghị tiệc cưới độc lập bên ngoài khách sạn

Thực hành các công việc liên quan đến quy trình quản trị và vận hành công việc tổ chức sự kiện và hội nghị bao gồm:

- Kỹ thuật bày bàn họp hình chữ U, lớp học và nhà hát. Công việc điều hành quy trình phục vụ hoàn chỉnh cho từng loại hình bàn họp.
- Điều hành quy trình tổ chức tiệc cưới Á và Âu bao gồm: Bố trí nhân viên, đọc hiểu đơn đặt hàng cho sự kiện là tiệc cưới (Banquet Event Order), xếp khăn ăn, bày bàn Á và Âu, trang trí bàn ăn và ghế ngồi bao gồm khăn bàn, bao ghế và nơ ghế, đón khách, phục vụ ăn uống, tiễn khách và thu dọn.
- Xử lý một số tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ hội nghị và tiệc cưới.

D. Lĩnh vực dịch vụ ăn uống tại phòng (In-room dining) tại bộ phận ẩm thực trong khách sạn

Thực hành các công việc liên quan đến quy trình quản trị và vận hành công việc phục vụ ăn uống tại phòng khách bao gồm:

- Kỹ năng trả lời điện thoại nhận đặt món cho khách.
- Bày khay và bày bàn phục vụ ăn uống tại phòng cho khách.
- Kỹ thuật vào phòng khách.
- Kỹ thuật phục vụ ăn uống tại phòng cho khách.
- Thanh toán và thu dọn.
- Xúc tiến các hoạt động bán hàng qua điện thoại, đảm bảo chất lượng món ăn và thức uống khi mang lên tới phòng khách...
- Xử lý một số tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ ăn uống tại phòng cho khách.

E. Lĩnh vực bar tại bộ phận ẩm thực trong khách sạn hoặc bar/pub độc lập bên ngoài

Thực hành các công việc liên quan đến quy trình quản trị và vận hành bar bao gồm:

- Kỹ thuật pha chế đồ uống có cồn và không cồn cho khách theo công thức hiện hành của đơn vị.
- Kỹ thuật rót thức uống có cồn.
- Phục vụ đồ uống có cồn và không cồn tại quầy và tại bàn.
- Thanh toán.
- Các hoạt động tại bar hồ bơi, dịch vụ vui chơi giải trí trong quầy bar, kỹ năng biểu diễn pha chế đồ uống.
- Xử lý một số tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ ăn uống tại bar.

F. Lĩnh vực dịch vụ liên quan đến bán các sản phẩm bánh ngọt tại bộ phận ẩm thực trong khách sạn hoặc tại cửa hàng bánh độc lập bên ngoài

- Quy trình phục vụ bánh cho khách bên trong và bên ngoài khách sạn.
- Các chương trình khuyến mãi thu hút khách.

G. Lĩnh vực bếp tại bộ phận bếp trong khách sạn hoặc tại các bếp ở nhà hàng độc lập bên ngoài

- Quản lý kho: Lối đi lại nhập hàng hóa từ bên ngoài vào kho bếp, cách thức tiếp nhận và kiểm tra chủng loại hàng hóa nhập kho, hệ thống quy trình nhập hàng và xuất hàng hóa trong kho, cách chia các khu vực chức năng riêng của từng kho hàng trong bếp.
- Vệ sinh an toàn thực phẩm trong bếp.
- Cơ cấu tổ chức của bếp.
- Quy trình sơ chế và chế biến món ăn tại bếp, quy trình dọn rửa và xử lý rác thải trong khu vực bếp, quy trình quản lý các dụng cụ, trang thiết bị trong bếp.
- An toàn phòng cháy chữa cháy trong khu vực bếp.

H. Lĩnh vực dịch vụ vui chơi giải trí có kết hợp dịch vụ ăn uống

Nghiệp vụ, quản trị và vận hành các khu vực trong cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí có cung cấp dịch vụ ăn uống, cụ thể là:

- Các khu du lịch, resort, làng du lịch, khách sạn sòng bạc.
- Các địa điểm thu hút khách du lịch khác: Kinh doanh ăn uống tại nhà hát, bảo tàng, công viên giải trí, câu lạc bộ thể thao, sân golf...

I. Lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực

- Nghiên cứu sự phù hợp của cơ cấu tổ chức, nghiên cứu và đánh giá số lượng nhân viên và nhân sự quản lý tại bộ phận ẩm thực trong một khách sạn, nhà hàng, ...
- Đào tạo tại nhà hàng, bộ phận ẩm thực trong khách sạn, khu du lịch hay cơ sở lưu trú khác có kinh doanh ăn uống.
- Chính sách thu hút và đãi ngộ người lao động, các yếu tố tạo động lực làm việc cho nhân sự tại bộ phận ẩm thực trong khách sạn, nhà hàng.
- Nghiên cứu sự hài lòng của nhân viên đối với bộ phận ẩm thực trong khách sạn, nhà hàng.
- Quan hệ lao động trong bộ phận ẩm thực trong khách sạn, nhà hàng, tinh thần đồng đội và làm việc nhóm.
- Các chính sách nhân sự trong bộ phận ẩm thực trong khách sạn, nhà hàng...

K. Lĩnh vực marketing trong khách sạn, nhà hàng

- Các chiến lược marketing của bộ phận kinh doanh trong khách sạn, nhà hàng: Chiến lược sản phẩm, giá, phân phối, quảng cáo – khuyến mãi, marketing mix...
- Chiến lược marketing trong mùa thấp và cao điểm tại bộ phận ẩm thực trong khách sạn, nhà hàng.
- Chiến lược thu hút khách hàng là doanh nhân, khách đoàn, SV, học sinh...
- Chiến lược bán bên trong và bên ngoài bộ phận ẩm thực trong khách sạn, nhà hàng.

L. Đánh giá chất lượng dịch vụ

Xây dựng bảng câu hỏi đánh giá chất lượng dịch vụ của khách hàng:

- Đánh giá sự hài lòng của khách hàng.
- Đánh giá chất lượng dịch vụ của nhà hàng, bộ phận ẩm thực trong khách sạn, khu du lịch, resort...

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Tiếp xúc, trao đổi trực tiếp từ cấp lãnh đạo, phụ trách bộ phận, nhân viên của đơn vị, doanh nghiệp.
- Tiếp xúc, trao đổi trực tiếp hoặc sử dụng hình thức quan sát, khảo sát, phỏng vấn bằng bảng câu hỏi các đối tượng có liên quan đến đề tài.
- Thu thập thông tin qua các tài liệu, sổ sách, báo cáo, ấn phẩm của đơn vị, doanh nghiệp.
- Thu thập thông tin qua mạng internet; báo – tạp chí; các tài liệu, ấn phẩm của các cơ quan chính phủ, cơ quan nghiên cứu, các hiệp hội, các Viện nghiên cứu....

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Điều hành thực tập và làm KLTN/CĐTN

5.1.1. Hội đồng điều hành

- TS. Nguyễn Văn Vẹn: Chủ tịch
- Cô Hoàng Bích Ngọc: Thư ký
- Các ủy viên gồm:
 - (1) ThS. Nguyễn Văn Bình.
 - (2) TS. Nguyễn Thanh Vượng.

5.1.2. Danh sách giảng viên hướng dẫn

Căn cứ vào số lượng và lĩnh vực đề tài SV đăng ký, Khoa phân công giảng viên hướng dẫn SV thực tập và viết báo cáo. Trong đó, danh sách GVHD gồm:

- | | |
|--------------------------------|--------------------------|
| (1) TS. Nguyễn Văn Vẹn. | (10) ThS. Lê Thị Mỹ Hạnh |
| (2) ThS. Nguyễn Văn Bình. | |
| (3) TS. Vũ Thu Hiền. | |
| (4) ThS. Nguyễn Sơn Tùng. | |
| (5) TS. Nguyễn Thanh Vượng. | |
| (6) ThS. Phùng Vũ Bảo Ngọc. | |
| (7) ThS. Phan Thanh Vịnh. | |
| (8) ThS. Phạm Huỳnh Đăng Khoa. | |
| (9) ThS. Trương Thị Thu Lành. | |

5.2. Yêu cầu đơn vị thực tập:

- Đối với SV đại trà và đặc thù: Lĩnh vực liên quan đến ẩm thực trong khách sạn 3 sao trở lên, nhà hàng từ trung cấp trở lên.

- Nếu sinh viên chưa liên hệ được đơn vị thực tập có thể báo cáo với Bộ môn DLLH hay trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp để được giúp đỡ.

5.3. Thời gian và các bước thực hiện:

Bước	Thời gian	Nội dung công việc	Trách nhiệm
1	14/8 – 17/8/2023	SV đăng ký học phần thông qua tài khoản sinh viên.	SV
2	23/8 – 28/9/2023	SV nộp học phí theo quy trình nộp học phí của phòng KHTC hướng dẫn.	SV
3	22/8 - 15/9/2023	- LĐBM xây dựng kế hoạch trình ký Lãnh đạo khoa. - TTK trình ký kế hoạch thông qua phòng QLĐT và thông tin đến GV, SV kế hoạch đã được BGH ký duyệt.	- LĐK - LĐBM - TTK
4	16/09 – 06/10/2023	- SV đăng ký lĩnh vực đề tài cho lớp trưởng, lớp trưởng tổng hợp danh sách theo mẫu của Khoa và nộp về Khoa chậm nhất đến ngày 02/10/2023 . Sau ngày này, những SV không đăng ký lĩnh vực và tên đề tài, Khoa sẽ chỉ định lĩnh vực đề tài. - SV chủ động tự liên hệ đơn vị thực tập (theo các dạng đề tài đã đăng ký) sau đó lấy giấy giới thiệu tại khoa Du lịch từ ngày 02/10 - 06/10/2023 (nếu cần). - LĐBM lập danh sách GVHD và GVPB gửi về Khoa và công bố cho GV. Phân công GV chuẩn bị đề cương hướng dẫn với từng dạng đề tài. - GV đăng ký về Khoa thời gian, địa điểm gặp SV để hướng dẫn thực tập và viết báo cáo. - Khoa thông báo danh sách và lịch làm việc của GVHD.	- LĐBM - GV - SV
5	09/10 – 17/12/2023 Hoặc 09/10 – 31/12/2023	SV bắt đầu thực tập và viết báo cáo KLTN/CĐTN (từ 9/10 – 31/12/2023 (12 tuần đối với học phần 8 tín chỉ); từ 9/10 – 17/12/2023 (10 tuần đối với học phần 6 tín chỉ). Thời gian cụ thể như sau:	- GVHD - SV
	09/10 - 30/10/2023	- SV gặp GVHD để GVHD hướng dẫn: chọn đề tài, lịch trình thực tập thời gian làm bài và nộp bài, các quy định về thực tập, hướng dẫn viết và đánh giá KLTN/CĐTN. GV cần chỉ định danh mục và số lượng các tài liệu tham khảo bắt buộc SV cần phải tham khảo. - SV xây dựng đề cương thực tập nộp cho GVHD. - GVHD sửa đề cương sơ bộ và chi tiết.	

		- SV đăng ký tên đề tài chính thức (theo mẫu của khoa) cho GVHD, GVHD tổng hợp danh sách tên đề tài báo cáo của SV và nộp về Khoa.	
	01/11 - 20/12/2023	- SV thực hiện các công việc sau: + SV thu thập tài liệu thứ cấp và sơ cấp. + Xử lý số liệu sơ cấp và thứ cấp. + Viết bản thảo khóa luận. - GVHD sửa bản thảo.	
	21/12 - 27/12/2023	SV chỉnh sửa bản thảo - Viết bản chính thức	
	28/12 - 31/12/2023	SV nộp bài báo cáo, bản chính thức cho GVHD theo thời gian quy định trong kế hoạch. Hạn cuối SV nộp bản chính thức là 31/12/2023 . *** SV nộp bài báo cáo, bao gồm: tập tin bài báo cáo (file pdf) kèm bản scan/chụp Đánh giá tại doanh nghiệp đã có dấu đỏ của doanh nghiệp; bản Nhật ký gặp GVHD (file word); bản đánh giá chấm điểm của GV (file word).	
6	28/12/2023	- LĐBM tiếp nhận liên kết thư mục lưu trữ bài báo cáo KLTN/CĐTN (TMLTB) từ Khoa phân quyền trên OneDrive. - LĐBM tạo TMLTB theo học phần, chia sẻ TMLTB cho GVHD và phân công cho GVHD quyền tương tác phù hợp trên OneDrive. *** Đăng nhập tài khoản cá nhân ...@ufm.edu.vn trên OneDrive để nhận TMLTB.	- LĐK - LĐBM
7	29/12 - 31/12/2023	- GVHD nhận bảng điểm giấy từ TTK tại văn phòng Khoa, GV và SV ký tên (bảng điểm KTHP chỉ ký tên, chưa vào điểm) và gửi lại bảng điểm cho TTK. - GVHD thu bài báo cáo của SV theo thời gian quy định. GVHD tạo thư mục lưu bài báo cáo của SV theo lớp học phần, đặt tên " Tên học phần_Mã lớp học phần_Họ tên GVHD " và GVHD nộp bài cùng danh sách ghi điểm tải từ trang cá nhân (uis.ufm.edu.vn) lên TMLTB đã tạo.	- GVHD - TTK - SV
8	03/01 - 07/01/2024	- GVHD chấm điểm KLTN/CĐTN (vòng 1) vào bản đánh giá chấm điểm của GV. - GVHD phân quyền truy xuất và chỉnh sửa cho GVPB theo danh sách LĐBM phân công và thông báo cho LĐBM.	- GVHD - LĐBM
9	08/01 - 11/01/2024	- GVPB kiểm tra các quyền được GVHD cấp và phản hồi ngay cho GVHD, LĐBM khi không thể	- GVPB - TTK

		<p>truy cập được TMLTB.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GVPB chấm KLTN/CĐTN (vòng 2) vào bản đánh giá chấm điểm của GV, đối chiếu điểm của GVHD nếu không có chênh lệch điểm số thì GVPB vào điểm trên bảng điểm kết thúc học phần (bảng điểm giấy), ký tên và chuyển bảng điểm cho TTK tại văn phòng Khoa. <p>*** Nếu có sự chênh lệch điểm số của 2 GV thì thực hiện quy trình chấm điểm khi có sự chênh lệch, thực hiện theo mục 8, điều 37, quyết định số 3447/QĐ-ĐHTCM ngày 30/12/2022.</p>	
10	Từ 12/01/2024	<ul style="list-style-type: none"> - TTK tiếp nhận bảng điểm quá trình từ GVHD và bảng điểm kết thúc học phần từ GVPB. - TTK trình bảng điểm cho LĐBM kiểm soát và ký xác nhận. - TTK bàn giao bảng điểm về KTQLCL. - KTQLCL lưu trữ bảng điểm chính. - Khoa lưu trữ bài báo cáo trên OneDrive và bảng điểm photo. 	<ul style="list-style-type: none"> - TTK - LĐBM - KTQLCL

*** Hướng dẫn sử dụng MsTeams, OneDrive... tại trang <https://phongcntt.ufm.edu.vn/vi/tu-van-ky-thuat>

6. NHIỆM VỤ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SV

6.1. Nhiệm vụ của GVHD

- GVHD có trách nhiệm quản lý về chuyên môn cũng như tinh thần trách nhiệm, ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật của SV trong quá trình thực tập và viết báo cáo.

- Đối với SV đủ điều kiện làm KLTN/CĐTN, **tối đa sau 4 tuần** từ khi bắt đầu thời gian chính thức viết báo cáo, **GVHD nộp danh sách đăng ký đề tài, đơn vị thực tập** (theo mẫu của khoa) về Khoa.

- GVHD có trách nhiệm đăng ký lịch trình hướng dẫn thực tập với Thư ký hội đồng (Thư ký khoa) để quản lý SV trong thời gian thực tập và viết báo cáo. GVHD phải bố trí gặp trực tiếp SV **ít nhất 6 lần** (1 tuần 1 lần không kể liên lạc qua email, điện thoại... trừ trường hợp có dịch bệnh diễn biến phức tạp) để hướng dẫn SV. Trường hợp thay đổi lịch phải thông báo cho SV.

- Hướng dẫn SV thực tập và viết báo cáo theo kế hoạch.

- Phản ánh tình hình thực tập và viết báo cáo của SV kịp thời cho Hội đồng điều hành và ghi vào phiếu Nhật ký KLTN/CĐTN.

- GVHD quản lý phiếu Nhật ký KLTN/CĐTN và sẽ bàn giao cho Thư ký hội đồng khi kết thúc thời gian thực tập và viết báo cáo.

- GVHD cần chỉ định danh mục và số lượng các tài liệu tham khảo bắt buộc SV cần phải tham khảo.

- Đối với các SV vi phạm đến mức phải đình chỉ thực tập, GVHD sẽ lập danh sách gửi về Hội đồng điều hành để xử lý.

- Nhận xét, đánh giá và chấm điểm KLTN/CĐTN cho SV theo quy định của kế hoạch này.

- Quyền lợi của GVHD được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính - Marketing.

6.2. Nhiệm vụ của SV

- Trong thời gian thực tập tại đơn vị, SV phải tuân thủ các chế độ qui định của đơn vị thực tập về giờ giấc, chế độ bảo mật và an toàn lao động. Khi đến đơn vị thực tập, SV phải ăn mặc sạch đẹp, lịch sự, giao tiếp lễ phép, hòa nhã với cán bộ, nhân viên tại nơi thực tập. Nếu vi phạm, đơn vị thông báo về Hội đồng điều hành xử lý theo đúng quy định.

- Giảng viên sẽ quản lý quá trình thực tập của SV thông qua phiếu Nhật ký thực tập tại đơn vị.

- SV không được tự ý vắng mặt tại đơn vị thực tập hoặc các buổi gặp GVHD mà không có lý do chính đáng. SV vắng mặt quá 3 lần các buổi gặp với GVHD mà không thông báo với GVHD hoặc với Hội đồng điều hành sẽ bị đình chỉ thực tập và nhận điểm 0 của điểm KLTN/CĐTN (các trường hợp khác trình Khoa để xem xét giải quyết).

- SV không được tự ý thay đổi đơn vị thực tập hoặc thay đổi GVHD khi chưa được sự đồng ý của GVHD và Hội đồng điều hành. SV không được thay đổi đề tài hoặc đơn vị thực tập sau 4 tuần thực tập.

- Sau 2 tuần thực tập, nếu SV không đến gặp GVHD hoặc không đến địa điểm thực tập sẽ phải dừng tiến độ thực tập và nhận điểm 0 của điểm KLTN/CĐTN.

- SV sẽ đăng ký với GVHD tên đề tài sau 3 tuần kể từ ngày bắt đầu thực tập. Các đề tài KLTN/CĐTN trùng tên phải chọn lại tên đề tài trong vòng 1 tuần kế tiếp để kịp tiến độ và thời gian thực hiện viết báo cáo theo yêu cầu.

- Đến hạn nộp bài SV tạo thư mục lưu bài báo cáo và đặt tên "**Ten học phan_Ma lop học phan_Ho ten SV**", trong thư mục lưu bài báo cáo SV phải nộp cho GVHD: **tập tin bài báo cáo KLTN/CĐTN dạng PDF** kèm theo **bản nhận xét của đơn vị thực tập** của doanh nghiệp (về số liệu, nội dung thực tập, tác phong, đạo đức, kỷ luật... **có ký tên và đóng dấu** của đơn vị thực tập – giấy này **scan/chụp** và **dán vào tập tin báo cáo**); **bản Nhật ký gặp GVHD** (theo mẫu – **dạng Word**); **bản đánh giá chấm điểm của GV** (theo mẫu – **dạng Word**).

7. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

* **Lưu ý:** Giảng viên và sinh viên xem kế hoạch hướng dẫn thực tập, viết báo cáo và các mẫu phục vụ viết báo cáo tại website: <https://khoa Dulich.ufm.edu.vn/>

Kết quả thực tập và viết báo cáo của SV được đánh giá qua quá trình thực tập và thực hiện làm báo cáo KLTN/CĐTN như các học phần khác trong chương trình đào tạo. Điểm đánh giá cuối cùng là điểm đánh giá chung của 2 thành phần: Điểm đánh giá quá trình thực tập và điểm viết báo cáo KLTN/CĐTN.

❖ **Điểm đánh giá thực tập cuối khóa:** Do GVHD chấm dựa trên phỏng vấn kết quả thực tập của SV và nhận xét của doanh nghiệp.

❖ **Điểm đánh giá viết KLTN/CĐTN:** Thực hiện theo *Quyết định số 914/QĐ-DHTCM-QLĐT ngày 30/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài Chính - Marketing về việc Ban hành Quy định thực hiện và đánh giá Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập cuối khóa trình độ đại học hệ chính quy đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tài Chính – Marketing;*

+ Điểm đánh giá quá trình thực tập chiếm 40% (do GVHD quyết định) và điểm viết báo cáo KLTN/CĐTN chiếm 60% (do 02 giảng viên chấm). Các thành phần điểm được thông báo cho SV và giảng viên biết khi thực hiện KLTN/CĐTN.

+ Điểm đánh giá KLTN/CĐTN là điểm trung bình có trọng số của các điểm đánh giá quá trình thực tập và điểm viết KLTN/CĐTN, theo thang điểm 10 (mười), làm tròn đến một chữ số thập phân và quy về thang điểm chữ theo quy định hiện hành.

+ Điểm KLTN/CĐTN được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

+ SV có điểm KLTN/CĐTN bị điểm D, F+, F phải đăng ký làm lại ở đợt tiếp theo. Điểm đánh giá KLTN/CĐTN đạt là từ điểm D+ trở lên sau khi quy đổi điểm sang thang điểm chữ (hoặc 1,5 điểm trở lên theo thang điểm 4).

- **Hội đồng điều hành sẽ tiến hành đánh giá** trước khi công bố điểm chính thức các trường hợp sau:

+ Những bài báo cáo có điểm dưới 5 và điểm ≥ 9 .

+ Những bài báo cáo có nội dung giống nhau (từng phần hoặc toàn bộ).

+ Những bài báo cáo sao chép (từng phần hoặc toàn bộ) các báo cáo khác (trong Trường hoặc Trường khác).

+ Nội dung bài báo cáo trùng lặp với các chuyên đề đã thực hiện trước đó.

- **Việc đánh giá điểm quá trình và điểm viết báo cáo KLTN/CĐTN được quy định như sau:**

(1) Đánh giá điểm quá trình: Điểm đánh giá quá trình thực tập và viết báo cáo chiếm 40% điểm tổng kết KLTN/CĐTN chấm theo thang điểm 10, do GVHD thực hiện và được quy định như sau:

(1.1) Đăng ký đề tài và nộp đề cương chi tiết khóa luận đúng hạn và phù hợp với lĩnh vực đăng ký cho GVHD: **2 điểm.**

- Mỗi lần trễ hạn (sau tuần thứ 3 so với kế hoạch):

trừ 0,5 điểm

- Thay đổi đề tài sau tuần thứ 3 nhưng không quá tuần thứ 4 kể từ thời gian bắt đầu gặp GVHD (trừ trường hợp đề tài bị trùng) **trừ 0,5 điểm**

(1.2) Hoàn thành các nội dung (Mở đầu, các chương, kết luận...) đúng hạn và phù hợp với đề cương đã được GVHD chấp nhận (duyệt): **4 điểm**.

- Mỗi lần nộp trễ hạn từng nội dung do GVHD ấn định: **trừ 0,5 điểm**

- Mỗi lần chỉnh sửa nội dung chưa phù hợp với yêu cầu: **trừ 0,5 điểm**

- Kết cấu chương, mục chưa hợp lý: **trừ 0,5 điểm**

- Mỗi lần chỉnh sửa chưa đạt yêu cầu: **trừ 0,5 điểm**

(1.3) Chuyên cần và thái độ: **4 điểm**.

- Mỗi buổi SV vắng mặt không được sự cho phép của GVHD: **trừ 1 điểm**

- SV vắng mặt quá 3 lần sẽ bị đánh giá là: **0 điểm**

- SV gặp giảng viên đủ số buổi theo quy định nhưng không nộp báo cáo thì điểm quá trình tối đa là: **7 điểm**

SV bắt buộc phải gặp trực tiếp giảng viên ít nhất 6 buổi trở lên (không kể liên lạc qua email, điện thoại...) để được hướng dẫn.

(2) Đánh giá điểm viết báo cáo KLTN/CĐTN:

Điểm đánh giá viết báo cáo do 02 giảng viên chấm độc lập (GVHD và giảng viên được phân công phản biện). Điểm báo cáo là điểm trung bình cộng của 02 giảng viên làm tròn đến phần nguyên và **chiếm 60% điểm** tổng KLTN/CĐTN và được chấm theo thang điểm 10, từng giảng viên chấm viết báo cáo làm tròn đến 0,25 và được đánh giá như sau:

(2.1) Bố cục: **1,5 điểm**

(2.2) Hình thức: **1,5 điểm**

Trong đó, mỗi tiêu chuẩn dưới đây đánh giá tối đa 0,5 điểm:

➤ Trình bày báo cáo đúng quy định, hình thức đẹp (Font chữ, size chữ; canh hàng, canh lề... theo quy định);

Báo cáo được trình bày một mặt trên khổ giấy A4, soạn thảo bằng MS. Word, sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, không dẫn chữ, dẫn dòng 1,5 lines, lề trên: 2 cm, lề dưới: 2 cm, lề trái: 3 cm, lề phải: 2 cm, **số trang tối thiểu: 70 trang** (không bao gồm phần mục lục, phụ lục, tài liệu tham khảo).

➤ Văn phong mạch lạc, không lỗi kỹ thuật đánh máy, ít lỗi chính tả (bình quân dưới 01 lỗi/ trang).

➤ Tài liệu tham khảo để viết KLTN/CĐTN có ít nhất 5 cuốn sách và các tạp chí chuyên ngành.

Trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo và danh mục tài liệu tham khảo đúng thứ tự như sau: Tên tác giả (Xếp theo thứ tự ABC, Việt Nam sắp theo tên, nước ngoài sắp theo họ), (Năm xuất bản), tên tác phẩm, nhà xuất bản, nơi xuất bản. (VD: Hồng Vân (2007).

Kinh doanh nhà hàng. NXB Trẻ, TP.HCM). Sắp theo thứ tự tài liệu của Việt Nam, đến tài liệu của nước ngoài, đến đường link website.

(2.3) Phần trình bày nội dung:

➤ **Trình bày phần đầu:** Phải được trình bày rõ ràng, không có vết tẩy xóa, có đánh số trang, số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị. Một báo cáo được trình bày theo bố cục sau đây:

- Trang bìa: Trình bày theo mẫu của khoa.
- Trang Lời cảm ơn: Có thể ghi lời cảm ơn đối với cơ quan đỡ đầu công trình hoặc cá nhân (GVHD, cá nhân nào đó tại doanh nghiệp, ... Phần này không bắt buộc).

- Trang Cam đoan.
- Trang Nhận xét, đánh giá của đơn vị thực tập.
- Trang Tóm tắt đề tài: **SV bắt buộc phải làm (Đối với SV chất lượng cao bắt buộc phải tóm tắt bằng tiếng Anh)**

- Trang Mục lục.

- Trang Danh mục:

- Danh mục chữ viết tắt: Liệt kê theo thứ tự A, B, C.
- Danh mục bảng.
- Danh mục biểu đồ.
- Danh mục hình.

➤ **Trình bày phần nội dung chính:** SV chọn viết đề tài nghiên cứu theo 2 phương pháp đánh giá sau:

✓ **Đánh giá theo định tính:** gồm 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận.

Chương 2: Thực trạng/Thực tiễn.

Chương 3: Giải pháp.

Ngoài 3 chương phải có phần mở đầu và kết luận.

Chi tiết như sau:

Mở đầu:

1 điểm

- Lý do chọn đề tài được trình bày rõ ràng và có tính thuyết phục.
- Mục tiêu nghiên cứu được xác định đầy đủ và chính xác.
- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu được xác định phù hợp.
- Phương pháp nghiên cứu được xác định phù hợp.

Chương 1: Cơ sở lý lý luận của đề tài nghiên cứu:

1,5 điểm

- Có đầy đủ cơ sở lý thuyết
- Các nội dung được trình bày rõ ràng, chính xác
- Kết cấu chặt chẽ và trình bày các nội dung phù hợp với chủ đề nghiên cứu.

Chương 2: Cơ sở thực tiễn của đề tài nghiên cứu:

2 điểm

- Nội dung phân tích, đánh giá kết nối (vận dụng) chặt chẽ với cơ sở lý thuyết.

- Nội dung phân tích, đánh giá có tính chuyên sâu, tính sáng tạo.

- Kết quả phân tích, đánh giá được luận giải rõ ràng và logic.

- Số liệu sử dụng phân tích, đánh giá đầy đủ, phong phú và có độ tin cậy.

Chương 3: Các giải pháp (chiến lược): **2 điểm**

- Vận dụng kỹ thuật hoạch định các giải pháp (chiến lược) hợp lý.

- Có đầy đủ các giải pháp (chiến lược) cần thiết.

- Nội dung các giải pháp bám sát kết quả phân tích, đánh giá cơ sở thực tiễn.

- Kiến nghị.

Kết luận **0,5 điểm**

✓ **Đánh giá theo định lượng:** gồm 5 chương

Chương 1: Tổng quan đề tài/Giới thiệu nghiên cứu.

Chương 2: Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu.

Chương 3: Thiết kế nghiên cứu/Phương pháp nghiên cứu.

Chương 4: Kết quả nghiên cứu và thảo luận.

Chương 5: Kết luận và kiến nghị.

Chi tiết như sau:

Chương 1: Giới thiệu nghiên cứu: **1 điểm**

- Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu.

- Tình hình nghiên cứu đề tài.

- Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu.

- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

- Bố cục của báo cáo.

Chương 2: Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu: **1,5 điểm**

- Cơ sở lý thuyết.

- Mô hình nghiên cứu.

Chương 3: Thiết kế nghiên cứu/Phương pháp nghiên cứu: **1 điểm**

- Quy trình nghiên cứu.

- Lấy mẫu nghiên cứu.

- Giả thuyết nghiên cứu, thang đo và bảng câu hỏi.

Chương 4: Kết quả nghiên cứu và thảo luận: **1,5 điểm**

- Giới thiệu về đơn vị.

- Thông tin về mẫu khảo sát.

- Kết quả thống kê mô tả.

- Kiểm định thang đo.
- Phân tích kết quả.

Chương 5: Kết luận và kiến nghị:

2 điểm

- Kết luận nghiên cứu.
- Kiến nghị giải pháp.
- Hạn chế của đề tài và hướng nghiên cứu tiếp theo.

➤ **Trình bày phần cuối**

- Tài liệu tham khảo để viết báo cáo có ít nhất 5 cuốn sách và các tạp chí chuyên ngành.
- Phụ lục: Tài liệu, số liệu liên quan (nếu có).

Đối với SV học chương trình Chất lượng cao, nội dung đánh giá thực trạng, dự báo và hoạch định giải pháp (chiến lược) bằng dữ liệu sơ cấp được đánh giá điểm qua các phần:

- Nội dung phân tích có tính chuyên sâu và sáng tạo.
- Kết quả đánh giá được luận giải rõ ràng và logic.
- Sử dụng số liệu đầy đủ, phong phú và có độ tin cậy.
- Vận dụng kỹ thuật hoạch định giải pháp (chiến lược) hợp lý.
- Có đầy đủ các giải pháp (chiến lược) cần thiết.

(3) Xử lý vi phạm

- Không có giấy xác nhận/nhận xét của đơn vị thực tập khi đến hạn nộp báo cáo, không có lý do chính đáng (trừ vào điểm quá trình):

+ Dưới 3 ngày:

trừ 1 điểm

+ Quá 3 ngày đến 5 ngày:

trừ 2 điểm

- Sao chép bài trên 70% chỉ được **1 điểm toàn bài**.
- Bài báo cáo không đủ số trang quy định chỉ được 5 điểm bài báo cáo.
- Những trường hợp SV đi thực tập không đúng thời gian trong Kế hoạch này sẽ không được tính điểm KLTN/CĐTN (thời gian dựa trên phiếu nhận xét của đơn vị thực tập).

- Phòng Công tác SV sẽ phối hợp với Khoa tổ chức xử lý kỷ luật SV vi phạm trong quá trình làm KLTN/CĐTN theo báo cáo của Khoa.



TS. Lê Trung Đạo

TRƯỜNG KHOA

TS. Nguyễn Văn Vẹn

12.12.19

12.12.19

